

NGHỊ QUYẾT
Về Chuyển đổi số tỉnh Hà Nam đến năm 2025,
định hướng đến năm 2030

I- ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH

1. Kết quả

Về xây dựng Chính quyền điện tử: Trong những năm qua, các cấp ủy đảng, chính quyền, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đã tích cực quán triệt, triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, cung cấp dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp. Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh được quan tâm đầu tư xây dựng; hệ thống thư điện tử, hệ thống quản lý văn bản và điều hành, hệ thống hội nghị truyền hình, Cổng thông tin điện tử tỉnh, Cổng dịch vụ công và hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh đã được triển khai, vận hành đồng bộ. Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành được các cơ quan, đơn vị quan tâm đầu tư, đưa vào sử dụng và phát huy hiệu quả, giúp giảm thời gian xử lý công việc và tiết kiệm chi phí. Đến nay, 100% dịch vụ công đủ điều kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh được cung cấp trực tuyến ở mức độ 4 (chiếm 60% thủ tục hành chính) phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, tạo tiền đề cho việc xây dựng chính quyền điện tử, hướng tới chính quyền số.

Về phát triển kinh tế số: Kinh tế số bước đầu đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Công nghệ số được ứng dụng chủ yếu trong các ngành công nghiệp, nông nghiệp, y tế, giáo dục, tài chính - ngân hàng, thương mại và dịch vụ. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh xuất hiện nhiều hình thức kinh doanh, dịch vụ mới dựa trên nền tảng công nghệ số và Internet, góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống của người dân, tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước. Toàn tỉnh hiện có trên 40 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin; nộp ngân sách tỉnh khoảng 110 tỷ đồng/năm. Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân giai đoạn 2015-2020 đạt 13,6%/năm.

Về xã hội số: Hạ tầng mạng băng thông rộng cáp quang được phát triển đến 100% thôn, tổ dân phố; có 850 vị trí trạm thu phát sóng thông tin di động; 100% khu dân cư được phủ sóng 2G, 95% khu dân cư được phủ sóng 3G, 4G; có trên

896.000 thuê bao điện thoại, 145.000 thuê bao Internet băng thông rộng cố định; 580.000 thuê bao Internet băng rộng di động (3G, 4G); 70% người sử dụng dịch vụ di động có điện thoại thông minh; trên 60% hộ gia đình có đường truyền thuê bao Internet cáp quang.

2. Tồn tại, hạn chế

Công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân chưa được triển khai sâu rộng; việc đầu tư hạ tầng kỹ thuật còn chưa đồng bộ; quy mô kinh tế số còn nhỏ; nhiều doanh nghiệp chưa chủ động tiếp cận, ứng dụng, phát triển công nghệ hiện đại vào quản lý và sản xuất; số doanh nghiệp công nghệ thông tin hỗ trợ chuyển đổi số chưa nhiều; công tác đấu tranh, đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng còn gặp nhiều khó khăn, thách thức; cơ cấu và chất lượng nguồn nhân lực công nghệ thông tin hạn chế; các hoạt động sản xuất, kinh doanh trên nền tảng số còn ít; việc tiếp cận thông tin, các dịch vụ y tế, giáo dục thông minh còn khó khăn, nhất là ở khu vực nông thôn.

3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

Nhận thức của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp về chuyển đổi số còn chưa đầy đủ; nguồn lực đầu tư cho khoa học, công nghệ chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển; công tác quản lý nhà nước về chuyển đổi số chưa theo kịp với thực tiễn; sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực hiện chuyển đổi số chưa thật sự chặt chẽ; chưa có cơ chế, chính sách cho đầu tư, phát triển, hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trên nền tảng công nghệ số.

II- QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Chuyển đổi số là nhiệm vụ quan trọng, xu thế tất yếu, động lực cho sự phát triển của tỉnh. Quá trình chuyển đổi số phải huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, lấy người dân và doanh nghiệp là trung tâm.

- Thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh phải bám sát sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, bảo đảm tính kế thừa, phù hợp với xu hướng phát triển chung của đất nước và điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh; ưu tiên tập trung đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số ở một số lĩnh vực; bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

- Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động các nguồn lực để thực hiện chuyển đổi số đồng bộ, toàn diện ở các cấp, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương và thúc đẩy doanh nghiệp, người dân tích cực tham gia thực hiện chuyển đổi số.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Xây dựng đồng bộ chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số nhằm đổi mới phương thức, nâng cao hiệu quả trong lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, công tác quản lý, điều hành của chính quyền các cấp và hoạt động của các cơ quan, đơn vị; góp phần đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư; tạo chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh, hiệu quả sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp và các ngành kinh tế; hình thành và phát triển các ngành, lĩnh vực mới; thúc đẩy kinh tế, xã hội phát triển nhanh và bền vững.

2.2. Mục tiêu cụ thể

* Đến năm 2025

- Phân đầu tỉnh Hà Nam nằm trong nhóm 30 tỉnh, thành phố có chỉ số cao về chuyển đổi số.

- Phát triển chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động:

+ 100% dịch vụ công đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến ở mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

+ 90% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ tài liệu thuộc phạm vi bí mật Nhà nước).

+ 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên hệ thống dùng chung (trừ tài liệu thuộc phạm vi bí mật Nhà nước).

+ Kết nối, chia sẻ, sử dụng hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đất đai, đăng ký kinh doanh, tài chính, bảo hiểm; từng bước mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước để cung cấp dịch vụ công kịp thời phục vụ người dân và phát triển kinh tế - xã hội.

+ 50% hoạt động kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

+ Thành phố Phủ Lý đạt các tiêu chí cơ bản về đô thị thông minh.

- Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế:

+ Phân đầu tỷ trọng kinh tế số chiếm từ 15-20% GRDP.

+ Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%.

+ Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội hàng năm đạt trên 10,7%.

- Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số:

+ Hạ tầng mạng băng thông rộng cáp quang bao phủ 100% xã, phường, thị trấn và trên 80% hộ gia đình.

+ Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh.

+ Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt 80%.

*** Định hướng đến năm 2030**

- Phân đầu tỉnh Hà Nam nằm trong nhóm 25 tỉnh, thành phố có chỉ số cao về chuyển đổi số.

- Phát triển chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động:

+ 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 90% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật Nhà nước).

+ Hình thành nền tảng dữ liệu và hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT), kết nối, chia sẻ rộng khắp giữa các cơ quan nhà nước, giảm 30% thủ tục hành chính; mở dữ liệu cho các tổ chức, doanh nghiệp, tăng 30% dịch vụ sáng tạo dựa trên dữ liệu phục vụ người dân, doanh nghiệp.

+ 70% hoạt động kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

+ Phân đầu có thêm thị xã Duy Tiên đạt các tiêu chí cơ bản về đô thị thông minh.

- Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế:

+ Phân đầu tỷ trọng kinh tế số chiếm từ 25-30% GRDP.

+ Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 20%.

- Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số:

+ Phổ cập dịch vụ mạng Internet băng thông rộng cáp quang.

+ Phổ cập dịch vụ mạng di động 5G.

+ Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt trên 95%.

III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của chính quyền các cấp và trách nhiệm của người đứng đầu; phát huy vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội trong quá trình chuyển đổi số

- Các cấp ủy đảng, chính quyền tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt và triển khai nghiêm túc các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, của tỉnh về chuyển đổi số, nhất là: Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Dẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên, cộng đồng doanh nghiệp và người dân về vị trí, vai trò, tầm quan trọng, sự cần thiết và tính cấp thiết của chuyển đổi số, từng bước xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số.

- Phát huy mạnh mẽ vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong giám sát việc tổ chức thực hiện chủ trương, nhiệm vụ về chuyển đổi số; vận động đoàn viên, hội viên, các tầng lớp Nhân dân tích cực hưởng ứng và tham gia chương trình chuyển đổi số.

- Các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch, bố trí nguồn lực thực hiện để tận dụng tối đa cơ hội, đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số. Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện chuyển đổi số trong cơ quan, đơn vị, tổ chức, lĩnh vực, địa bàn phụ trách.

2. Xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy quá trình chuyển đổi số của tỉnh; đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực phục vụ quá trình chuyển đổi số

- Rà soát, ban hành các cơ chế, chính sách của tỉnh để hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số, tạo môi trường, điều kiện thuận lợi khuyến khích doanh nghiệp, người dân khởi nghiệp, đổi mới, sáng tạo, sử dụng nền tảng số phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh và đời sống sinh hoạt hàng ngày; tích cực thu hút các doanh nghiệp số đầu tư vào tỉnh.

- Phát triển nhân lực chuyển đổi số trong hệ thống chính trị: Xây dựng chương trình, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về chuyển đổi số phù hợp với từng đối tượng: đội ngũ lãnh đạo, quản lý các cấp, các ngành; đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức toàn tỉnh. Đặc biệt, quan tâm thu hút nguồn nhân lực công nghệ thông tin chất lượng cao, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công nghệ thông tin hiện có sẵn sàng tham gia vào quá trình chuyển đổi số của tỉnh, thực sự thành các chuyên gia nòng cốt tham mưu cho cấp ủy, chính quyền các cấp về chuyển đổi số của tỉnh.

- Khuyến khích các doanh nghiệp phát triển nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số; hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ chuyển đổi số trong cộng đồng; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế số, xã hội số.

- Hàng năm, phân đầu bố trí tối thiểu 01% tổng chi cân đối ngân sách địa phương để triển khai thực hiện các hoạt động, chương trình, đề án, dự án ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền số, đô thị thông minh, chuyển đổi số.

3. Tăng cường đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật và các nền tảng số, dữ liệu số đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số; bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng

- Đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh; lựa chọn giải pháp công nghệ tiên tiến như: điện toán đám mây, Internet vạn vật (IoT), dữ liệu khối, dữ liệu lớn, tự động hóa, trí tuệ nhân tạo.

- Phát triển hạ tầng mạng băng thông rộng cáp quang; nâng cấp hạ tầng mạng di động 4G, phát triển hạ tầng mạng di động 5G; phổ cập điện thoại di động thông minh tới người dân.

- Phát triển hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT); xây dựng lộ trình và triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như: giao thông, năng lượng, điện, nước, đô thị để chuyển đổi thành một bộ phận cấu thành quan trọng của hạ tầng số.

- Phát triển nền tảng số dùng chung như: Nền tảng thông tin định danh cá nhân và kho dữ liệu số của người dân, doanh nghiệp tạo thuận lợi cho giao dịch điện tử giữa người dân, doanh nghiệp với cơ quan nhà nước và các giao dịch điện tử dân sự khác.

- Phát triển nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh và kết nối với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia.

- Xây dựng Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh, Trung tâm điều hành an toàn, an ninh mạng của tỉnh. Triển khai xây dựng hệ thống giám sát thông tin mạng xã hội nhằm cảnh báo sớm, xử lý, ngăn chặn các thông tin xấu, độc trên môi trường mạng. Định kỳ đánh giá an toàn bảo mật của các hệ thống thông tin của tỉnh để kịp thời phát hiện, xử lý các vấn đề phát sinh.

4. Phát triển chính quyền số

- Nâng cấp hệ thống mạng kết nối liên thông, xuyên suốt các cơ quan hành chính từ tỉnh đến cấp xã, bảo đảm an toàn, an ninh mạng, trên cơ sở kết hợp thế mạnh của mạng truyền số liệu chuyên dùng, mạng Internet, Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh. Mở rộng tổ chức hội nghị bằng hình thức trực tuyến, hệ thống phòng họp không giấy tờ.

- Phát triển các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ ứng dụng, dịch vụ chính quyền số bảo đảm không trùng lặp, cập nhật, kết nối, chia sẻ với các cơ sở

dữ liệu quy mô quốc gia.

- Xây dựng Kho dữ liệu dùng chung và Cổng dữ liệu mở của tỉnh; số hóa văn bản, tài liệu của các cơ quan để đưa vào kho dữ liệu dùng chung; kết nối, tích hợp các cơ sở dữ liệu của tỉnh với cơ sở dữ liệu quốc gia.

- Nâng cấp Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia để cung cấp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, biểu mẫu, chế độ báo cáo; tăng cường gửi, nhận văn bản điện tử tích hợp chữ ký số giữa các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và các doanh nghiệp; thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước theo quy định.

- Xây dựng chương trình nâng cao nhận thức, đào tạo kỹ năng về chuyển đổi số, phát triển chính quyền số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan hành chính nhà nước, các khối Đảng, đoàn thể.

- Vận hành hiệu quả Trung tâm điều hành thông minh của tỉnh; triển khai xây dựng đô thị thông minh gắn với chuyển đổi số (trước mắt đầu tư nguồn lực cho thành phố Phủ Lý); tập trung xây dựng hệ thống giao thông thông minh, hệ thống giám sát an ninh thông minh, số hoá lĩnh vực tài nguyên, môi trường, y tế, giáo dục, năng lượng, nông nghiệp, công nghiệp.

5. Phát triển kinh tế số

- Chú trọng thu hút các tập đoàn, các doanh nghiệp lớn trong lĩnh vực công nghệ thông tin, điện tử, viễn thông đầu tư vào tỉnh, để dẫn dắt chuyển đổi số, tạo ra thị trường và thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh. Hỗ trợ các doanh nghiệp đang hoạt động có điều kiện chuyển đổi sang cung cấp sản phẩm, dịch vụ trên các nền tảng số; thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp để sản xuất thông minh, đổi mới mô hình quản trị dựa trên nền tảng số, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Khuyến khích các doanh nghiệp mới thành lập ứng dụng công nghệ số để tạo ra các sản phẩm, dịch vụ mới trong các ngành, lĩnh vực.

- Tập trung xây dựng và phát triển kinh tế số trên các lĩnh vực sau đây:

- + Lĩnh vực nông nghiệp: Phát triển nông nghiệp theo hướng công nghệ cao, chú trọng nông nghiệp thông minh. Tập trung xây dựng hệ thống dữ liệu lớn về đất đai, cây trồng, vật nuôi. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số để tự động hóa các quy trình sản xuất, kinh doanh; quản lý, giám sát truy xuất nguồn gốc, xuất xứ, chỉ dẫn địa lý; xây dựng hệ sinh thái nông nghiệp số; đưa các sản phẩm nông nghiệp của tỉnh lên sàn thương mại điện tử.

+ Lĩnh vực tài nguyên và môi trường: Xây dựng hệ thống dữ liệu lớn về lĩnh vực tài nguyên và môi trường, đến năm 2025 cơ bản hoàn thành cơ sở dữ liệu về đất đai trên địa bàn tỉnh.

+ Lĩnh vực công nghiệp: Chú trọng thu hút các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông, công nghiệp điện tử, thiết bị tự động đầu tư vào tỉnh; xây dựng nhà máy thông minh, vận hành thông minh, nâng cao năng suất lao động, tạo ra các sản phẩm có giá trị gia tăng cao. Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp công nghiệp thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và quản trị doanh nghiệp.

+ Lĩnh vực năng lượng: Ưu tiên mục tiêu sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả; khuyến khích phát triển tái tạo năng lượng phục vụ sản xuất, kinh doanh và đời sống của Nhân dân; thúc đẩy hoạt động phối hợp với Tập đoàn Điện lực Việt Nam thực hiện mục tiêu tối đa hóa và tự động hóa các mạng lưới nhằm cung ứng điện an toàn, hiệu quả; khuyến khích triển khai các giải pháp chuyển đổi số trong ngành điện lực hướng tới tối đa hóa và tự động hóa các mạng lưới cung ứng điện; đáp ứng tốt yêu cầu điện phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và các mục tiêu khác.

+ Lĩnh vực tài chính, ngân hàng: Khuyến khích triển khai ứng dụng toàn diện công nghệ số trong các ngành: tài chính, ngân hàng, thuế, hải quan, kho bạc,... Xây dựng nền tài chính điện tử, thiết lập nền tảng tài chính số hiện đại, an ninh, an toàn, tiết kiệm thời gian, chi phí cho doanh nghiệp và người dân.

+ Lĩnh vực dịch vụ, thương mại, du lịch: Đẩy mạnh xây dựng và phát triển thị trường thương mại điện tử; hỗ trợ ứng dụng rộng rãi thương mại điện tử trong doanh nghiệp và cộng đồng dân cư; tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp triển khai nền tảng thanh toán trực tuyến, phát triển dịch vụ bưu chính và các dịch vụ hỗ trợ phát triển thương mại điện tử. Hoàn thành việc số hóa dữ liệu về các di tích lịch sử văn hóa, danh lam, thắng cảnh, các khu, điểm du lịch, cơ sở dịch vụ du lịch trên địa bàn tỉnh.

6. Phát triển xã hội số

- Đẩy mạnh phổ biến kiến thức về công nghệ số, chuyển đổi số, chính quyền số, kinh tế số, xã hội số cho cán bộ, công chức, viên chức, chủ doanh nghiệp và người dân; triển khai phổ cập các ứng dụng trong xã hội như: thông tin số, y tế số, giáo dục số, các dịch vụ an sinh xã hội số.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trên một số lĩnh vực để thúc đẩy phát triển xã hội số:

+ Lĩnh vực y tế: Đẩy mạnh ứng dụng nền tảng hỗ trợ khám bệnh từ xa, phấn đấu 100% các cơ sở y tế có bộ phận khám chữa bệnh từ xa; sử dụng hồ sơ

bệnh án điện tử. Phát triển các ứng dụng cung cấp kiến thức phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe để người dân tra cứu thông tin và thực hiện.

+ Lĩnh vực giáo dục và đào tạo: Đẩy mạnh ứng dụng nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa, ứng dụng triết để công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập; số hóa tài liệu, giáo trình; xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập; đến năm 2025 có 100% các cơ sở giáo dục triển khai công tác dạy và học từ xa.

+ Lĩnh vực giao thông vận tải: Thực hiện đăng ký và quản lý phương tiện, cấp và quản lý giấy phép điều khiển phương tiện trên nền tảng số; ứng dụng các giải pháp giám sát phương tiện giao thông công cộng thông minh.

+ Lĩnh vực văn hoá, thông tin và truyền thông: Xây dựng và triển khai các sản phẩm số về văn hóa, lịch sử, đất và người Hà Nam trên không gian mạng; chuyển đổi số trong lĩnh vực thư viện và liên kết với hệ thống cơ sở dữ liệu của quốc gia. Số hóa quy trình sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình; triển khai hệ thống thông tin nguồn, hệ thống đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông.

+ Thực hiện thanh toán một số dịch vụ công thiết yếu qua hệ thống thanh toán không dùng tiền mặt, như: phí bảo vệ môi trường, phí sử dụng điện, nước, thanh toán học phí, viện phí và các khoản thu khác trong các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Thường vụ Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết, định kỳ tham mưu sơ kết, tổng kết, báo cáo Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

2. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nghị quyết về cơ chế, chính sách để thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

3. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Đề án về Chuyển đổi số tỉnh Hà Nam đến năm 2025, định hướng đến 2030; ưu tiên bố trí nguồn lực, kinh phí của tỉnh để thực hiện Nghị quyết này; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện, tiến hành sơ kết, tổng kết để kịp thời đánh giá, rút kinh nghiệm.

4. Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến sâu rộng Nghị quyết này đến toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức và các tổ chức, đơn vị trực thuộc; chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết, định kỳ báo cáo kết quả thực hiện.

5. Đảng đoàn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết đến các tầng lớp

nhân dân để nâng cao nhận thức, tạo đồng thuận trong việc triển khai, thực hiện Nghị quyết; thực hiện tốt công tác giám sát và phản biện xã hội các nội dung liên quan về chuyển đổi số.

6. Các Ban xây dựng đảng của Tỉnh ủy, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy căn cứ chức năng, nhiệm vụ thường xuyên theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết; định kỳ tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy sơ kết, tổng kết, báo cáo Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

Nghị quyết này phổ biến đến chi bộ./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương,
- Văn phòng Trung ương,
- Các Ban xây dựng Đảng Trung ương, } (để báo cáo)
- Ban cán sự đảng Bộ TT&TT,
- Ủy viên BCH Đảng bộ tỉnh,
- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy,
- đảng ủy trực thuộc,
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ



Lê Thị Thủy